

I. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP

1. Phần đọc hiểu

- Đọc hiểu văn bản thơ (Bài 1 Thương nhớ quê hương)
- Đọc hiểu văn bản nghị luận (Bài 2 Giá trị văn chương)

2. Phần tiếng Việt

- Nhận biết được phép tu từ chơi chữ, điệp văn, điệp thanh; đặc điểm và tác dụng.
- Trình bày được một số lưu ý về tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.

3. Phần Tập làm văn

Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ): Phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mỹ của nó.

II. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

(Hình thức: tự luận)

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức			Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	Đọc hiểu tích hợp tiếng Việt	1. Văn bản thơ hoặc văn bản nghị luận 2. Tiếng Việt: BPTT điệp văn, điệp thanh; cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn - *Tiêu chí lựa chọn ngữ liệu: 01 đoạn trích/văn bản hoàn chỉnh; tương đương với văn bản được học chính thức trong chương trình lớp 9 tập 1 (ngoài bộ sách <i>Chân trời sáng tạo</i>).	Số câu: 3 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 10%	50 %
2	Viết	Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.	20%	10%	20%	50%
Tổng			40%	30%	30%	100%
Tỉ lệ			40%	30%	30%	100%

III. BẢNG ĐẠC TẢ

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng

1	Đọc hiểu	Thơ (thơ tám chữ).	Nhận biết - Nhận biết được những dấu hiệu về hình thức để phân biệt các thể thơ: số tiếng trong câu, cách gieo vần, tạo nhịp. Nhận biết một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ tám chữ. - Nhận biết được đặc điểm ngôn ngữ, đề tài, giọng điệu, nhịp điệu trong bài thơ. - Nhận biết được hình ảnh, biểu tượng tiêu biểu và nhân vật trữ tình trong bài thơ. - Nhận biết được các từ tượng hình, từ tượng thanh trong văn bản. Thông hiểu - Phân tích được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình; cảm hứng chủ đạo của tác giả trong bài thơ. - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ dựa trên những yếu tố hình thức nghệ thuật. - Phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật thơ tám chữ; vai trò, ý nghĩa của một số yếu tố hình thức thơ như: bố cục, vần, nhịp. - Phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục. - Hiểu được tác dụng phép tu từ chơi chữ, điệp vần, điệp thanh được sử dụng trong văn bản. Vận dụng - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua bài thơ. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản. - Thể hiện được thái độ tôn trọng và học hỏi cách tiếp nhận của người khác trong đọc hiểu văn bản thơ.	3TL	2 TL	1TL
		Văn bản nghị luận	Nhận biết:			

			- Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. - Nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong văn bản. - Biết cách tham khảo, trích dẫn để tránh đạo văn Thông hiểu: - Nêu được nội dung bao quát của văn bản. - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng. - Lí giải được vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong việc thể hiện luận đề. - Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết). Vận dụng: - Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội. - Hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong văn bản, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau. - Nhận xét, đánh giá tính chất đúng và sai của vấn đề đặt ra trong văn bản nghị luận.			
Tổng				3 TL	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20%	20%	10%
2	Viết	Viết văn bản phân tích một tác phẩm văn học.	Nhận biết: Biết được kiểu văn bản cần viết, đảm bảo đúng về nội dung và hình thức. Thông hiểu: - Xác định được vấn đề nghị luận (Nội dung chủ đề và một số nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ) - Phân tích nội dung chủ đề của tác phẩm			1 TL

			- Phân tích một số nét đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm Vận dụng: Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.			
Tỉ lệ %				20%	10%	20%
Tỉ lệ chung				40%	30%	30%

LÃNH ĐẠO NHÀ TRƯỜNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁO VIÊN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hữu Hùng

Nguyễn Thị Triều

Thiều Thị Quyên

ĐỀ CHÍNH THỨC

MÔN NGỮ VĂN 9

Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian phát đề)
Đề gồm có 02 trang

I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

...*Quê hương tôi có cây bầu cây nhệ
Tiếng “đàn kêu tích tích tình tang...”
Có cô Tấm nấu mình trong quả thị,
Có người em may túi đũng ba gang.*

*Quê hương tôi có ca dao tục ngữ,
Ông trăng tròn thường xuống mọi nhà chơi.
Một đĩa muối cũng mặn tình chồng vợ,
Một dây trầu cũng nhắc chuyện lứa đôi.*

*Con chim nhỏ cũng đau hồn nước mắt
“Cuộc cuộc” kêu rỏ máu những đêm vàng
Chân ngựa đá cũng dính bùn trận mạc.
Theo người đi cứu nước chống xâm lăng.*

*Quê hương tôi có bà Trưng, bà Triệu
Cười đầu voi, dấy nghĩa, trả thù chung.*

*Ông Lê Lợi đã trường kỳ kháng chiến,
Hung Đạo vương đã mở hội Diên Hồng.*

***Quê hương tôi có múa xoè, hát đúm,
Có hội xuân liên tiếp những đêm chèo.
Có Nguyễn Trãi, có “Bình Ngô đại cáo”.
Có Nguyễn Du và có một “Truyện Kiều”.***

*Quê hương tôi có Trường Sơn một dải,
Có Hồng Hà lại có Cửu Long Giang
Có Hà Nội có hồ Tây, hồ Kiếm.
Chợ Đồng Xuân bày đủ mặt hàng.
[...]*

*Khi có giặc những tre làng khắp nước,
Đều xả thân làm ngọn mác, mũi chông,
Những trai gái thôn Đông, xóm Bắc
Thoắt vươn vai thành những anh hùng...*

(Trích Bài thơ quê hương, Nguyễn Bính, Nguyễn Bính thơ và đời, NXB Văn học Hà Nội, trang 134-135)

Chú thích: Nguyễn Bính (1918 – 1966) quê ở Làng Thiện Vịnh, xã Đồng Đội, Vụ Bản, Nam Định, là một trong những nhà thơ xuất sắc nhất của thi ca Việt Nam hiện đại. Ông được coi là nhà thơ của làng quê Việt Nam với những bài thơ mang sắc thái dân dã, mộc mạc.

Bài thơ “**Bài thơ quê hương**” được Nguyễn Bính sáng tác vào dịp Tết Bính Ngọ (1966).

- *Múa xoè* là một sinh hoạt văn hóa đặc sắc, một điệu múa phổ biến trong cộng đồng người Thái Tây Bắc.
- *Hát đúm* là một sinh hoạt ca hát đối đáp giữa trai và gái thường diễn ra trong các ngày hội làng vào mùa xuân ở một số địa phương thuộc các tỉnh trung du và đồng bằng Bắc Bộ.
- *nồi đồng điệu*: là loại nồi được làm từ đồng, có hình dáng đặc biệt với phần đáy sâu, miệng rộng, thường dùng trong nấu nướng.

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1 (0,5 điểm) Xác định thể thơ của đoạn trích trên?

Câu 2. (0,5 điểm) Những nhân vật lịch sử nào được nhắc đến trong khổ thơ sau:

*Quê hương tôi có bà Trưng, bà Triệu
Cười đầu voi, dấy nghĩa, trả thù chung.*

*Ông Lê Lợi đã trường kỳ kháng chiến,
Hung Đạo vương đã mở hội Diên Hồng.*

Câu 3. (1,0 điểm) Những nét đẹp văn hóa nào đã được nêu trong khổ thơ được in đậm?

Câu 4. (1,0 điểm) Nêu tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ “*Quê hương tôi có...*” được tác giả sử dụng trong đoạn trích.

Câu 5. (1,0 điểm) Đọc khổ thơ cuối, em cảm nhận được vẻ đẹp gì ở con người “*quê hương tôi*”?

Câu 6. (1,0 điểm) Đoạn trích trên đã khơi gợi trong em tình cảm, suy nghĩ gì về quê hương, đất nước?

II. PHẦN VIẾT (5,0 điểm)

Viết một bài văn phân tích nội dung chủ đề và một số nét đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích trên trong bài thơ *Bài thơ quê hương* (Nguyễn Bính)

- Hết -

Họ và tên học sinh:

Số báo danh

Chữ ký giám thị 1:

UBND XÃ XUÂN SƠN
TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT

**HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HK1
NGŨ VĂN 9 (ĐỀ CHÍNH THỨC)**

Năm học: 2025 – 2026

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	5,0
	1	Thể thơ 8 chữ	0,5
	2	Những nhân vật lịch sử nào được nhắc đến trong khổ thơ: Bà Trưng, Bà Triệu, Lê Lợi, Hưng Đạo Vương	0,5
	3	Những nét đẹp văn hóa được nêu ra trong khổ thơ in đậm gồm: Múa xòe, hát đúm, hội xuân, đêm chèo và thành tựu văn học (Nguyễn Trãi – Bình Ngô đại cáo, Nguyễn Du - Truyện Kiều) => HS chỉ ra được 4 ý là được tối đa 1,0đ HS chỉ ra được 3 ý được 0,75đ HS chỉ ra được 2 ý được 0,5đ	1,0
	4	HS nêu được tác dụng của phép điệp ngữ + Tạo nhịp điệu, âm hưởng cho lời thơ. + Nhấn mạnh vẻ đẹp phong phú và đa dạng của quê hương từ thiên nhiên cho đến văn hóa và con người. Mỗi lần lặp lại “Quê hương tôi có...”, tác giả tiếp tục giới thiệu một khía cạnh mới của quê hương, từ lịch sử anh hùng, đến văn hóa, sản vật đặc sắc giúp cho hình ảnh quê hương trở nên đẹp đẽ và sống động hơn. + Thể hiện được sự gắn bó, yêu mến, niềm tự hào của tác giả đối với quê hương. => HS nêu được 3 ý trên là được tối đa 1,0đ (Có thể diễn đạt khác) HS nêu được 2 ý được 0,75đ HS nêu được 1 ý được 0,5đ	1,0
	5	Khổ thơ cuối khắc họa hình ảnh con người quê hương “tôi” là: - Anh dũng, kiên cường, bất khuất: Họ sẵn sàng hy sinh, đứng lên chiến đấu bảo vệ quê hương khi có giặc. - Tinh thần yêu nước, đoàn kết: Những trai gái thôn Đoài, xóm Bắc một lòng yêu nước, đoàn kết chống quân thù, sẵn sàng hi sinh vì Tổ quốc.	1,0
	6	Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, miễn là hiểu vấn đề, trình bày được những tình cảm đẹp, nhân văn về quê hương, đất nước. Gợi ý: Đoạn trích đã khơi gợi tình cảm, suy nghĩ về quê hương, đất nước: - Yêu mến, tự hào về quê hương đất nước tươi đẹp, anh hùng, giàu truyền thống...	1,0

		- Cố gắng học tập, rèn luyện để xây dựng quê hương, đất nước giàu mạnh. - Sẵn sàng đứng lên bảo vệ quê hương, đất nước nếu cần. -	
II		PHẦN VIẾT	5,0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức, nội dung bài văn</i> - Xác định đúng yêu cầu về hình thức và nội dung của bài văn. - Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Trong đó: <i>Mở bài</i>: Giới thiệu bài thơ và tác giả, nêu chủ đề và một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm. <i>Thân bài</i> triển khai các luận điểm để làm rõ những đặc sắc về nội dung chủ đề và một số nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ (Nêu được các lí lẽ và đưa ra các bằng chứng từ tác phẩm để làm sáng tỏ lí lẽ). <i>Kết bài</i> Khẳng định lại chủ đề và những đặc sắc về hình thức nghệ thuật, nêu cảm nghĩ về tác phẩm.	0,5
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Nội dung chủ đề và một số nét đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích trong bài thơ “Bài thơ quê hương” của Nguyễn Bính	0,5
		<i>c. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu</i> Phân tích được nội dung chủ đề và một số nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ; sắp xếp được hệ thống ý hợp lí, biết kết hợp lí lẽ và bằng chứng để chứng minh vấn đề. Học sinh có thể phân tích bài thơ theo kiểu kết hợp giữa nghệ thuật và nội dung hoặc phân tích nội dung và nghệ thuật tách rời. Trong quá trình phân tích, cần chú ý đến mối liên hệ giữa hình thức và nội dung. Khuyến khích những bài làm có cảm thụ sâu sắc, chân thành về bài thơ. <i>Sau đây là một số gợi ý:</i> - Phân tích nội dung chủ đề của bài thơ: <i>nội dung chủ đề</i>: Tự hào ca ngợi quê hương tươi đẹp, trù phú với vẻ đẹp thiên nhiên phong phú, nền văn hóa truyền thống đặc sắc, lịch sử hào hùng và con người giàu lòng yêu nước, luôn sát cánh bên nhau trong mọi hoàn cảnh,. Qua đó cho thấy sự gắn bó sâu sắc, niềm tự hào và tình yêu quê hương chân thành, tha thiết của tác giả; <i>nội dung chủ đề này được thể hiện qua</i> nhan đề tác phẩm (Bài ca Quê hương), qua kết cấu bài thơ mỗi khổ là một lời ca về vẻ đẹp của quê hương, là một mảng màu khác nhau – từ văn hoá, lịch sử đến thiên nhiên, con người – hợp thành bức tranh toàn cảnh về quê hương, đất nước. - Phân tích một số nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ: <i>thể thơ</i> 8 chữ với <i>ngôn ngữ thơ</i> giản dị, gần gũi, đậm màu sắc văn hóa dân gian (gợi nhắc những câu chuyện cổ tích, những câu ca dao, tục ngữ giàu ý nghĩa) <i>các biện pháp tu từ</i> được sử dụng hiệu quả: liệt kê, phép <i>Điệp cấu trúc</i> “<i>Quê</i>	3,0

		<i>hương tôi có... ”</i> → tạo nhịp điệu, cảm xúc dâng trào, khẳng định vẻ đẹp quê hương; ngắt nhịp linh hoạt tạo nên sự uyển chuyển, mượt mà giọng thơ xúc động tự hào.	
		<i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp, liên kết câu trong đoạn văn, bài văn.	0,5
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo, cảm xúc.	0,5